

Biểu số 002.N/BCB-TP
Ban hành kèm theo Nghị
định số 139/2026/NĐ-CP
ngày 07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế
tiếp sau năm báo cáo

SỐ TRẺ EM DƯỚI 05 TUỔI Đơn vị báo cáo:
ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI Bộ Tư pháp
SINH Đơn vị nhận báo cáo:
Năm Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Đơn vị tính: Trẻ em

	Mã số	Tổng số	Chia theo giới tính	
			Nam	Nữ
(A)	(B)	(1) = (2)+(3)	(2)	(3)
Tổng số	01			
1. Chia theo dân tộc				
1.1. Kinh	02			
1.2. Khác	03			
2. Chia theo vùng kinh tế - xã hội				
2.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	04			
2.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc				
2.3. Vùng Bắc Trung Bộ				
2.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên				
2.5. Vùng Đông Nam Bộ				
2.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long				
3. Chia theo tỉnh/thành phố				
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>				
3.1. Hà Nội				
3.2. ...				

Ghi chú: Riêng phân tổ kép theo dân tộc và giới tính kỳ công bố 5 năm (năm có số tận cùng là 4, 9).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.N/BCB-TP: Sổ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh

1. Khái niệm, phương pháp tính

Sổ trẻ em dưới 05 tuổi đã được đăng ký khai sinh là sổ trẻ em dưới 05 tuổi tính từ ngày sinh đến ngày được đăng ký khai sinh đã được đăng ký khai sinh và cấp giấy khai sinh theo quy định của Luật Hộ tịch.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số trẻ em đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.
- Cột 2: Ghi số bé trai đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.
- Cột 3: Ghi số bé gái đã được đăng ký khai sinh theo từng dòng tương ứng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Hồ sơ hành chính, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và chế độ báo cáo thống kê ngành Tư pháp.